

NHỮNG YÊU CẦU MỚI CỦA NGƯỜI GIẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NEW REQUIREMENTS FOR LECTURERS IN THE CURRENT PERIOD

Tăng Thanh Mai

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; Email: tangthanhmai@hotmail.com

Tóm tắt - Nhà giáo là một trong những yếu tố quyết định chất lượng cũng như hiệu quả của một cơ sở giáo dục hay rộng hơn là của nền giáo dục của một quốc gia. Trong nền giáo dục đại học hiện nay, vai trò, vị trí, nhiệm vụ của người giảng viên đã có những sự thay đổi cơ bản. Người giảng viên không chỉ truyền thụ kiến thức chuyên môn mà còn có nhiệm vụ dạy cho sinh viên cách học; cách tiếp nhận, xử lý kiến thức; cách tự rèn luyện; hình thành những kĩ năng, ý thức, đạo đức nghề nghiệp... để đào tạo những con người có nhân cách, tri thức đáp ứng những yêu cầu phát triển xã hội. Trong khuôn khổ bài viết, trên cơ sở phân tích những đặc trưng của giáo dục đại học hiện nay chúng tôi đề cập đến vai trò, vị trí, nhiệm vụ cũng như những năng lực cần có ở một người giảng viên đại học hiện nay để hoàn thành trách nhiệm lớn lao là đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của đất nước.

Từ khóa - giảng viên; vai trò; nhiệm vụ; năng lực; giáo dục.

1. Đặt vấn đề

Xã hội loài người đi vào thế kỷ XXI với xu thế toàn cầu hóa, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, trong đó công nghệ thông tin giữ một vai trò hết sức quan trọng trong mọi lĩnh vực. Xu thế ấy đã đưa thế giới bước sang một giai đoạn mới với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức. Và tư duy mới về giáo dục trong thế kỷ XXI thể hiện rõ nhận thức mới về vai trò của giáo dục: Giáo dục – cơ chế giữ gìn và phát triển văn hóa; Giáo dục – động lực phát triển kinh tế thông qua đào tạo nhân lực; Giáo dục là thành phần của sự phát triển con người, chìa khóa để giải quyết các vấn đề xã hội [4. tr13]. Giáo dục thế kỷ XXI với tư tưởng chủ đạo lấy “học tập suốt đời” làm nền móng, xây dựng trên 4 trụ cột của giáo dục “học để biết, học để làm, học để cùng nhau chung sống và học để làm người”. Điều đó đòi hỏi hệ thống giáo dục phải mềm dẻo, đa dạng, linh hoạt để tạo cơ hội học tập cho tất cả mọi người, tạo nên một xã hội học tập và học tập suốt đời. Và giáo dục đại học (GDĐH) cần có những thay đổi nhằm đáp ứng yêu cầu mới của thời đại để đào tạo nên những con người “vừa hồng vừa chuyên” như lời Hồ Chủ tịch. Với những quan điểm, cách tiếp cận mới về giáo dục, dựa trên quan điểm chung của Đảng và Nhà nước đối với giáo dục, GDĐH, người giảng viên (GV) đại học cũng cần có sự thay đổi tư duy trong giảng dạy với những vai trò và nhiệm vụ phù hợp thực tiễn, yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội.

2. Những đặc trưng của GDĐH trong giai đoạn hiện nay

2.1. Tư duy về GDĐH

Ở bất kỳ thời đại nào, giáo dục cũng đều phục vụ cho xã hội, dù xã hội đó vì lợi ích giai cấp thống trị hay xã hội đó là của dân, do dân và vì dân. Ngày nay giáo dục với vai trò là phục vụ cho cộng đồng xã hội, vì tất cả mọi người và giúp mọi người phát huy tài năng, tiềm năng sáng tạo. Giáo dục ngày nay hướng đến việc tạo cơ hội học tập cho tất cả mọi người, tạo nên “xã hội học tập” với quan niệm “học

Abstract - The teacher plays a decisive factor in determining the quality and effectiveness of an educational institution or broadly speaking, the education of a nation. In the current higher education, the roles, positions and duties of the lecturer have been fundamentally changed. The teacher not only imparts attainment but also has responsibility to teach students how to learn, grasp and use knowledge and acquire self-discipline, skills, awareness, professional ethics ... so as to equip students with human quality and qualification that can meet the needs of social developments. In this article, on the basis of analyzing the characteristics in higher education, we mention the roles, positions, tasks and competencies needed for current college lecturers in order to fulfill the great responsibility of training human resources in response to the requirements of the country.

Key words - lecturer; roles; responsibilities; competence; education.

suốt đời”. Trong xu hướng đó, GDĐH cũng chuyển từ đại học tinh hoa sang đại học đại chúng, thường xuyên, suốt đời một cách khách quan.

Về GDĐH, Hội nghị tại Paris “GDĐH cho thế kỷ XXI” nêu bật tính phổ quát của GDĐH trong điều kiện mới về kinh tế - xã hội, trong đó nhấn mạnh: GDĐH phải phục vụ cho tất cả mọi người có khả năng và cho mọi giai đoạn của cuộc đời; GDĐH không chỉ đào tạo, mà còn giáo dục người học, đặc biệt phải dạy cho họ đầu óc kinh doanh, biết tìm và tạo việc làm; GDĐH là nơi có nguồn trí tuệ cao, phải cảnh giác đối với tình trạng chân lý bị miệt thị, phải bảo vệ xã hội trong tương lai tốt đẹp, phải có vai trò hướng dẫn đạo đức khi xã hội gặp khủng hoảng về giá trị, phải tăng cường hoạt động cho một nền văn hóa hòa bình; GDĐH phải xây dựng mối liên kết trong và ngoài các cộng đồng đại học; GDĐH phải quản lý theo nguyên tắc về đảm bảo quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội, phải cố gắng xây dựng các tiêu chí rõ rệt về chất lượng và sự phù hợp tổng quát nhất; GDĐH phải hoạt động cho sự bình đẳng, hỗ trợ và hòa hợp nam nữ [5. tr.19].

Như vậy, GDĐH phải dạy cho người học cách tự học sáng tạo để từ đó người học có thể học suốt đời. GDĐH hướng vào sự phát triển nguồn nhân lực con người với những năng lực cơ bản mà xã hội yêu cầu. Mục tiêu của GDĐH là đào tạo những con người có đạo đức, trách nhiệm với xã hội; có sự hiểu biết về quốc gia, khu vực và quốc tế; có năng lực chuyên môn tốt; có khả năng tự học hỏi không ngừng nâng cao kiến thức; có sự hiểu biết của bản thân và khả năng thích ứng, thay đổi với môi trường làm việc.

GDDH không chỉ giới hạn trong việc đào tạo về mặt trí tuệ mà còn hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội đang đối mặt; không chỉ gắn với các vấn đề trong hiện tại mà cần đón trước những yêu cầu, đòi hỏi trong tương lai; cần gắn liền với chuyển giao công nghệ và quan hệ doanh nghiệp.

Với xu hướng toàn cầu hóa, GDĐH cần sự hội nhập quốc tế. Hội nhập, liên kết trong giáo dục cũng dựa

trên nguyên tắc chung của Đảng, Nhà nước và Chính phủ là chia sẻ, bình đẳng, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Trong quá trình hội nhập, liên kết này cũng cần có những chính sách ngăn ngừa sự “chảy máu chất xám” để tối đa hóa hiệu quả của GDDH vào sự nghiệp xây dựng, phát triển, bảo vệ Tổ quốc.

2.2. Các nhiệm vụ dạy học ở đại học

Mục tiêu đào tạo của đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức và kỹ năng tương xứng với trình độ được đào tạo, có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo. Từ mục tiêu đào tạo đó hiển nhiên dạy học ở đại học phải rất coi trọng mục tiêu năng lực cho người học [3. phần 2. tr27].

Theo quan điểm của Unesco, yêu cầu đối với sản phẩm đại học trong thời đại hiện nay là: có năng lực trí tuệ và có khả năng sáng tạo và thích ứng; có khả năng hành động (các kỹ năng sống) để có thể lập nghiệp; có năng lực tự học, tự nghiên cứu để có thể học thường xuyên, suốt đời; có năng lực quốc tế (ngoại ngữ, văn hóa toàn cầu) để có khả năng hội nhập [3. phần2. tr34].

Giảng dạy ở đại học, việc thường xuyên cập nhật, bổ sung nội dung giảng dạy rất cần thiết vì quá trình đào tạo ở bậc đại học bên cạnh việc cung cấp kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành cần chú trọng đến rèn luyện các kỹ năng, năng lực thực hiện công tác chuyên môn. Người GV đại học đóng vai trò là người giúp cho SV tìm kiếm, lựa chọn, xử lý thông tin thu được trở thành kiến thức của bản thân.

Phương pháp giáo dục hiện nay hướng đến xu hướng “Dạy học lấy người học làm trung tâm”. Với cách tiếp cận này việc dạy học ở đại học đòi hỏi:

- Phải xuất phát từ người học là sinh viên (SV): cần phải biết nhu cầu của SV là gì, động cơ, trình độ ở đâu để từ đó xác định mục tiêu, nội dung, chương trình giảng dạy cho phù hợp;

- Cần sự phân hóa và cá thể hóa: mỗi SV là một cá thể có đặc điểm, tính chất, năng lực khác nhau vì vậy cần có phương pháp phù hợp để đạt được kết quả mong muốn của nội dung giảng dạy;

- Đảm bảo tính logic của nội dung giảng dạy và tạo điều kiện cho SV tự kiểm tra, đánh giá kiến thức của bản thân: sự logic của nội dung giảng dạy đảm bảo cho SV tiếp thu kiến thức một cách chặt;

- Kích thích tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề: sự tiếp thu kiến thức không chỉ dừng lại ở việc nhận mà cần được vận dụng một cách phù hợp, có hiệu quả;

- Tạo điều kiện cho SV hình thành khả năng tự học, tính tự lực, tích cực, chủ động: với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, sự phát triển xã hội thì lượng kiến thức ngày càng trở nên nhiều, đòi hỏi con người ngày càng phải hiểu biết sâu và rộng hơn, thường xuyên cập nhật tri thức mới;

- Hình thành ở SV các kỹ năng mềm: khả năng hoạt động nhóm, hoạt động xã hội, thương lượng, giao tiếp...

3. Yêu cầu của người GV trong giai đoạn hiện nay

3.1. Vai trò của người GV

Vai trò, vị trí của người thầy trong hoạt động dạy học

và giáo dục đều được mọi người dân Việt Nam biết đến qua câu “Không thầy đố mày làm nên”. Tuy nhiên trong mỗi giai đoạn phát triển của xã hội, vai trò, vị trí đó cần có những điểm phù hợp với yêu cầu từ thực tiễn.

Với trình độ phát triển xã hội còn lạc hậu, khoa học – kỹ thuật chưa phát triển và đặc biệt là với phương pháp dạy học thụ động trong nhà trường truyền thống, người thầy giáo chiếm vị trí trung tâm trong quá trình giáo dục. Mọi hoạt động giáo dục đều xuất phát từ người thầy và họ là nguồn chủ yếu nếu không muốn nói là duy nhất mà người học có thể có để tiếp thu, mở rộng vốn tri thức và hiểu biết của mình về tự nhiên, xã hội cũng như trong lao động nghề nghiệp [2. tr.139].

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học – công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin đã tạo nên sự thay đổi lớn trong đời sống kinh tế, xã hội. Những thay đổi đó cùng với quan điểm mới về giáo dục đã đưa đến yêu cầu mới trong GDDH hiện nay và phần nào đã tạo nên những sự thay đổi về vai trò, vị trí mới của người GV. Người GV không còn chỉ dạy cho SV kiến thức chuyên môn. Quan niệm về dạy học cần chuyển từ việc truyền thụ kiến thức của người GV sang tổ chức hoạt động lĩnh hội kiến thức của SV, coi trọng việc phân hóa cá nhân người học. Chính điều này đã đưa đến sự thay đổi lớn trong quan hệ giữa thầy và trò, quan hệ giữa dạy và học. Người GV không chỉ dạy những gì mình có cho SV mà bên cạnh đó cần trở thành người hướng dẫn, lôi cuốn SV tham gia tích cực vào quá trình đào tạo. Với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, sự phát triển của phương tiện truyền thông, GV không còn là nguồn kiến thức duy nhất SV có thể tiếp cận được mà SV có nhiều cơ hội tiếp xúc với nền kiến thức rộng lớn của nhân loại. Và đứng ở một khía cạnh nào đó người GV cũng cần tìm đến những kiến thức mới qua SV. Nói như vậy không có nghĩa là hạ thấp vai trò, vị trí của người GV trong giảng dạy ngày nay. Quan hệ giữa việc dạy và học là quan hệ tương tác về kiến thức mà trong đó người GV đóng vai trò là người hướng dẫn, định hướng cho việc tiếp nhận kiến thức có mục đích, có chọn lọc của SV. Trong nền giáo dục mới, bên cạnh tri thức, SV cần có năng lực tự học, học cách học, tư duy độc lập, nghiên cứu, sáng tạo, giải quyết vấn đề... Và chính người GV sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành ở SV những năng lực đó, cũng như hướng dẫn cho SV biết cách làm chủ tri thức, biết cách vận dụng tri thức vào cuộc sống; hình thành ở SV ý thức, đạo đức nghề nghiệp. Có thể thấy người GV hiện nay đã ở một vị trí mới, khó khăn hơn, đòi hỏi ở người GV tính nêu gương và luôn bên cạnh SV để kịp thời uốn nắn, động viên SV tiếp cận kiến thức mới, giúp SV khả năng tự rèn luyện, tự đào tạo, hình thành những kỹ năng mềm phục vụ cho công việc, cuộc sống trong tương lai.

3.2. Những năng lực cần có ở GV

Để làm tốt công việc của một người GV thì cần ở người thầy sự noi gương về mọi mặt, sự noi gương cả tài lẫn đức. Người GV phải là một nhà mô phạm. Đây là yêu cầu đầu tiên đối với một người làm nghề đứng trên bục giảng. Để giáo dục được SV, trước tiên người GV phải là tấm gương về đạo đức. Sự chuẩn mực về đạo đức đòi hỏi người thầy phải thể hiện được ở mọi nơi, mọi lúc. Đó là sự tuân thủ các qui định của Đảng, Nhà nước, Pháp luật; hoàn thành nhiệm vụ chính trị; bảo vệ cái đúng, cái tiến bộ, phê phán

cái sai, lạc hậu; sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn, khoan dung; tận tụy với công việc... Với tư duy mới, trước những yêu cầu đổi mới với GDĐH hiện nay thì người GV cần có những năng lực sau:

3.2.1. Năng lực hiểu được SV và môi trường giáo dục

- Khả năng tìm hiểu cá nhân mỗi SV (GV cần hiểu được SV là người trưởng thành về mặt thể chất, tâm lý, nhận thức vì vậy cần ứng xử như người lớn trong các hoạt động và có phương pháp dạy phù hợp với đối tượng học là người lớn);

- Khả năng tìm hiểu tập thể SV (GV cần hiểu những thông tin về tập thể lớp, hiểu được những ảnh hưởng của tập thể đến cá thể mỗi SV);

- Khả năng tìm hiểu môi trường xung quanh tác động đến SV (GV cần hiểu được những yếu tố từ môi trường xã hội, gia đình có ảnh hưởng đến SV);

- Sự hiểu biết về môi trường GDĐH (mục tiêu, chiến lược, nhiệm vụ của GDĐH);

- Sự hiểu biết về môi trường nhà trường (truyền thống, cơ cấu tổ chức, các mối quan hệ trong nhà trường, điều kiện cơ sở vật chất...).

3.2.2. Năng lực chuyên môn

- Kiến thức thuộc lĩnh vực chuyên môn giảng dạy;

- Khả năng cập nhật thành tựu mới trong sự phát triển của lĩnh vực chuyên môn;

- Khả năng thực hiện, đánh giá các nhiệm vụ chuyên môn một cách chính xác, độc lập, có phương pháp;

- Khả năng phát triển chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực chuyên môn;

- Khả năng phát triển và ứng dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn.

3.2.3. Năng lực sư phạm

- Khả năng xây dựng bài giảng, hoạt động, bài tập, kiểm tra đánh giá một cách hiệu quả: SV có định hướng nghề nghiệp vì vậy cần thiết kế và thực hiện việc giảng dạy phù hợp với đặc điểm đó;

- Khả năng truyền đạt kiến thức: áp dụng các phương pháp dạy học khác nhau giúp người học nắm vững tri thức và những kỹ năng, kỹ xảo tương ứng trong chuyên môn;

- Khả năng dạy học phương pháp, tư vấn: hướng dẫn hoạt động học cho SV, giúp cho SV phát triển năng lực hoạt động trí tuệ, tư duy khoa học, tư duy nghề nghiệp, phương pháp tự học và nghiên cứu khoa học, năng lực tự học suốt đời;

- Khả năng của GV trong việc khuyến khích sáng tạo và tư duy độc lập của SV trong quá trình học tập, kích thích tính ham hiểu biết, tìm tòi và khám phá;

- Khả năng quản lý, xử lý các tình huống sư phạm, làm chủ các thành tựu mới về dạy học.

3.2.4. Năng lực nghiên cứu khoa học

- Khả năng nghiên cứu sâu về chuyên môn giảng dạy;

- Khả năng thực hiện các nghiên cứu, hoạt động mang tính sáng tạo, ứng dụng;

- Khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học, tham gia nghiệm thu, thẩm định các đề tài, chương trình, giáo trình,

tài liệu tham khảo...;

- Khả năng tham gia các hoạt động tư vấn khoa học, tư vấn chuyên môn;

- Khả năng vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động giảng dạy.

3.2.5. Năng lực phương pháp luận

- Khả năng nêu vấn đề và giải quyết vấn đề (khi giả quyết vấn đề không dừng lại ở một phương án, biết lựa chọn phương án tốt nhất);

- Khả năng tìm kiếm phương pháp giảng dạy, làm việc hiệu quả;

- Khả năng tư duy, phê phán, đánh giá;

- Khả năng truyền đạt và trình bày;

- Khả năng sáng tạo (tìm kiếm phương án mới).

3.2.6. Năng lực cá nhân và xã hội

- Khả năng tự học, bồi dưỡng;

- Khả năng tự đánh giá;

- Khả năng khai thác thông tin: các nguồn thông tin từ giảng viên, quan sát, thực tiễn, tài liệu;

- Khả năng hợp tác: làm việc theo nhóm, chia sẻ thông tin, thảo luận, học hỏi kinh nghiệm giáo dục từ đồng nghiệp, từ các cơ sở giáo dục;

- Khả năng tham gia, tổ chức, vận động người khác tham gia các hoạt động xã hội; sự nhận biết nhu cầu của xã hội.

3.2.7. Năng lực giao tiếp và sử dụng các phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin

- Khả năng về ngôn ngữ (ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết) và phi ngôn ngữ;

- Khả năng giao tiếp với SV;

- Khả năng giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội;

- Khả năng ngoại ngữ;

- Khả năng sử dụng phương tiện kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin, mail, chat... vào hoạt động nghề nghiệp.

4. Kết luận

Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển bền vững của một quốc gia. Sự phát triển của xã hội, của khoa học kỹ thuật, sự quá độ sang nền kinh tế tri thức cùng với xu hướng hội nhập, quốc tế hóa đang đặt nền GDĐH trước những thách thức lớn. Đó là thách thức về phát triển nguồn nhân lực, về năng lực trí tuệ của con người, của cả cộng đồng nhằm giải quyết thành công các vấn đề xã hội đặt ra. Qua đây có thể thấy vai trò, nhiệm vụ của người GV đại học, những người góp phần tạo ra những sản phẩm đặc biệt của xã hội là vô cùng khó khăn. Người GV ngày nay bên cạnh việc giảng dạy kiến thức chuyên môn còn giáo dục cho SV đạo đức nghề nghiệp, tác phong, thái độ làm việc trong nền sản xuất hiện đại. Bên cạnh đó phải hình thành ở SV kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp; phát triển năng lực nhận thức, tính độc lập, tự chủ, sáng tạo, khả năng thích nghi với hoàn cảnh ở SV... Với yêu cầu đó người GV cũng cần có sự thay đổi về tư duy trong giảng dạy: không còn hình ảnh những người thầy đứng trên bục giảng thao thao mà là hình ảnh những người thầy luôn bên cạnh, sát cánh cùng SV như những người đồng hành cùng nhau khám phá những tri thức mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo, Ngân hàng phát triển Châu Á, *Chuẩn đầu ra trình độ đại học khối ngành sư phạm đào tạo giáo viên Trung học phổ thông*, Dự án phát triển giáo viên phổ thông và Trung học chuyên nghiệp – Vụ Giáo dục Đại học, 2013.
- [2] Trần Khánh Đức, (2010) *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Khoa Sư phạm – Đại học Quốc Gia Hà Nội, (2005) *Tài liệu bồi dưỡng lý luận và phương pháp giảng dạy đại học*, Hà Nội.
- [4] Bùi Việt Phú – Lê Quang Sơn, (2013) *Xu thế phát triển giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] [5] Nguyễn Cảnh Toàn – Lê Khánh Bằng, (2009) *Phương pháp dạy và học đại học*, NXB Đại học Sư phạm.

(BBT nhận bài: 12/05/2014, phản biện xong: 29/05/2014)